

Bản án số: 09/2019/KDTM-ST

Ngày 08-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Tư

Ông Vũ Văn Khang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 585/2019/QĐXX-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 637/2019/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V ; địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn T A; chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Lương T V và ông Trương C Đ; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V ; đều là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 66/2019/UQ-HĐQT ngày 08/3/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V ); ông T A và ông V vắng mặt, ông Đ có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T; địa chỉ trụ sở: Tầng 1, số 214 đường N, phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông Đỗ V S; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đỗ V S; nơi cư trú: Số 214 đường N, phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn T S; nơi cư trú: Số 2/38/31 đường Đ, phường T, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2019, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T (sau đây gọi tắt là Công ty) ký các Hợp đồng tín dụng hạn mức, các khế ước nhận nợ để Công ty vay vốn tại VPBank với tổng số tiền 6.355.000.000 (sáu tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 140215-1888088-01-SME ngày 22/5/2015 vay 1.085.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 230315-1888088-01-SME ngày 24/3/2015 vay 1.200.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 250515-1888088-01-SME ngày 27/5/2015 vay 1.250.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 050915-1888088-01-SME ngày 09/9/2015 vay 1.480.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 180116-1888088-SME ngày 26/01/2016 vay 562.875.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 040316-1888088-01-SME ngày 21/3/2016 vay 780.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36, 48, 54 tháng; mục đích vay: Thanh toán một phần mua xe đầu kéo và xe sơ mi rơ moóc và bổ sung vốn kinh doanh trả góp định kỳ. Lãi suất 12%/năm, 12,15%/năm, 11,55%/năm, 18,35%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên bao gồm:

- Các tài sản bảo đảm:

Tài sản 1: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-128.75.

Tài sản 2: 01 xe Sômi rơ moóc nhãn hiệu DALI, BKS 15R-062.44.

Tài sản 3: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-147.99

Tài sản 4: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS 15R-075.27.

Tài sản 5: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-166.33.

Tài sản 6: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.56.

Tài sản 7: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.98.

Tài sản 8: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS 15C-192.83.

Tài sản 9: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu WUYI, BKS 15R-106.63.

Tài sản 10: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS 15R-060.98.

Tài sản 11: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-124.42.

Tất cả các xe trên đều được Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp Giấy đăng ký xe mang tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T.

- Nghĩa vụ bảo lãnh: Ông Đỗ V S sử dụng toàn bộ tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Hợp đồng tín dụng số 180116-1888088-SME ngày 26/01/2016 theo Hợp đồng bảo lãnh số 180116-1888088-SME/HĐBL ngày 26/01/2016 và Hợp đồng tín dụng số 040316-1888088-01-SME ngày 21/03/2016 theo Hợp đồng bảo lãnh số 040316-1888088-01-SME/HĐBL ngày 21/03/2016.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty tổng số tiền 6.355.000.000 đồng theo các Khế ước nhận nợ số 140251-1888038-01-SME ngày 25/02/2015; số 180116-1888088-01-SME ngày 26/01/2016, số 040316-1888088-01-SME ngày 21/03/2016, số 230315-1888088-01-SME ngày 24/3/2015, số 250515-1888088-01-SME ngày 27/5/2015 và số 050915-1888088-01-SME ngày 07/9/2015 .

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 10/3/2017. Ngân hàng đã đôn đốc Công ty nhiều lần về việc thanh toán nợ nhưng Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tạm tính đến ngày 05/3/2019, Công ty còn nợ Ngân hàng số tổng số tiền 4.205.606.788 đồng (Nợ gốc 3.467.797.202 đồng; nợ lãi 674.462.619 đồng; phạt chậm trả lãi 63.346.967 đồng). Vì vậy, Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết đối với Công ty những nội dung sau:

1. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V số tiền nợ tạm tính đến ngày khởi kiện 05/3/2019 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký số 140215-1888088-01-SME ngày 22/05/2015; số 230315-1888088-01-SME ngày 24/03/2015; số 250515-1888088-01-SME ngày 27/05/2015; số 050915-1888088-01-SME ngày 09/09/2015; số 180116-1888088-SME ngày 26/01/2016; số 040316-1888088-01-SME ngày 21/03/2016, tổng cộng là 4.205.606.788 (bốn tỷ hai trăm linh năm triệu sáu trăm linh sáu nghìn bảy trăm tám mươi tám) đồng, trong đó: Nợ

gốc 3.467.797.202 đồng; nợ lãi 674.462.619 đồng; phạt chậm trả lãi 63.346.967 đồng.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T tiếp tục phải trả khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V .

3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T để thu hồi nợ. Cụ thể các tài sản bảo đảm gồm:

Tài sản 1: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-128.75.

Tài sản 2: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu DALI, BKS 15R-062.44.

Tài sản 3: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-147.99

Tài sản 4: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS 15R-075.27.

Tài sản 5: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-166.33.

Tài sản 6: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.56.

Tài sản 7: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.98.

Tài sản 8: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS 15C-192.83.

Tài sản 9: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu WUYI, BKS 15R-106.63.

Tài sản 10: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS 15R-060.98.

Tài sản 11: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-124.42.

Tất cả các xe trên đều được Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp Giấy đăng ký xe mang tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T.

4. Trường hợp sau khi xử lý xong hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ, thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T để thu hồi nợ.

5. Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T tại Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đỗ V S

có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T tại các Hợp đồng tín dụng số 180116-1888088-SME ngày 26/01/2016 theo Hợp đồng bảo lãnh số 180116-1888088-SME/HĐBL ngày 26/01/2016 và Hợp đồng tín dụng số 040316-1888088-01-SME ngày 21/03/2016 theo Hợp đồng bảo lãnh số 040316-1888088-01-SME/HĐBL ngày 21/03/2016.

*Quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ V S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án nên không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn T S có ý kiến: Ông Nguyễn T S xác nhận là người quản lý sử dụng 03 tài sản thế chấp đứng tên Công ty T T là: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.98; 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu WUYI, BKS 15R-106.63; 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.56. Lý do ông Nguyễn T S quản lý 03 tài sản trên là do ông Nguyễn T S đã nhờ ông Đỗ V S vay hộ tiền tại Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thì, ngày 03/9/2019, ông Nguyễn T S đã chuyển đủ số tiền 320.000.000 đồng mà Công ty T T còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 040316-1888088-01-SME ngày 21/03/2016 để giải chấp 03 xe (03 tài sản bảo đảm) nói trên. Vì vậy, ông Nguyễn T S không còn liên quan đến số tiền mà Công ty T T còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 040316-1888088-01-SME ngày 21/03/2016 nữa. Nên, ông Nguyễn T S đề nghị Tòa án xem xét việc tính đến thời điểm xét xử vụ án, ông Nguyễn T S không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về khoản tiền lãi phạt chậm trả là 266.926.947 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu ở trên, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 với tổng số tiền là 4.467.094.591 (Bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi một) đồng; trong đó: Nợ gốc 3.147.797.202 đồng; nợ lãi trong hạn 74.436.818 đồng; nợ lãi quá hạn 1.244.860.571 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với 05 tài sản bảo đảm là: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu WUYI, BKS 15R-106.63; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS 15C-192.83; 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.56; 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS 15R-060.98; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-124.42.

Đối với các tài sản bảo đảm còn lại là 03 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER và 03 Sơ mi rơ moóc đứng tên Công ty. Do hiện nay không xác định được ai là người quản lý và hiện nay đang ở đâu nên Ngân hàng đề nghị khi nào tìm thấy các tài sản này thì Ngân hàng đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại để thu hồi nợ.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ V S vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn T S vắng mặt, nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như nêu ở trên.

- Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ V S không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Các hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ được các bên tự nguyện ký, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật. Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 với tổng số tiền 4.467.094.591 (Bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi một) đồng là có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì khi Ngân hàng tìm thấy được 06 tài sản bảo đảm (01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-128.75; 01 xe Sơ mi rơ moóc nhãn hiệu DALI, BKS 15R-062.44; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-147.99; 01 xe Sơ mi rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS 15R-075.27; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-166.33; 01 xe Sơ mi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.98) đang ở đâu, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án phát mại các tài sản thế chấp đó để thu hồi nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc Công ty phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi 266.926.947 đồng và đình chỉ giải quyết về việc xử lý 05 tài sản bảo đảm (01 xe Sơ mi rơ moóc nhãn hiệu WUYI, BKS 15R-106.63; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS 15C-192.83; 01 xe Sơ mi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.56; 01 xe Sơ mi rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS 15R-060.98; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-124.42).

Công ty phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án Kinh doanh thương mại tranh chấp về các Hợp đồng tín dụng dài hạn giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V và bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T khởi kiện trong thời hạn luật định. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ V S theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Song họ vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Ông Nguyễn T S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc thay đổi người tham gia tố tụng:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định ông Nguyễn T S tham tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì ông Nguyễn T S là người trực tiếp quản lý năm (05) tài sản đảm bảo của Công ty tại Ngân hàng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến năm tài sản đảm bảo trên. Vì vậy, sau khi xem xét toàn bộ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần ông Nguyễn T S tham tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nữa.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng:

[4] Các Hợp đồng tín dụng số 140215-1888088-01-SME ngày 22/05/2015; số 230315-1888088-01-SME ngày 24/03/2015; số 250515-1888088-01-SME ngày 27/05/2015; số 050915-1888088-01-SME ngày 09/09/2015; số 180116-1888088-SME ngày 26/01/2016; số 040316-1888088-01-SME ngày 21/03/2016 ký giữa

nguyên đơn và bị đơn đều tuân thủ quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên các hợp đồng là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay theo thỏa thuận, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như cam kết. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 10 của các Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử 08/11/2019. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 3.207.202.798 đồng.

Xét yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn:

[6] Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay tại các hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo các bên cam kết trong hợp đồng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, xác định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ lãi trong hạn 74.436.818 đồng, lãi quá hạn 1.244.860.571 đồng. Xét, cần chấp nhận yêu cầu trả tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn như trên của nguyên đơn đối với bị đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về khoản tiền phạt chậm trả 266.926.947 đồng và 05 tài sản bảo đảm:

[7] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận theo khoản 2 Điều 244

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã xin rút tại phiên tòa.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng:

[8] Xét các Hợp đồng thế chấp xe ô tô giữa Ngân hàng và Công ty T T đối với 06 tài sản (03 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER , 03 Sơ mi rơ moóc) đứng tên Công ty và các Hợp đồng bảo lãnh ký ngày 26/01/2016, 21/03/2016 giữa Ngân hàng và ông Đỗ V S đều được các bên tự nguyện ký, hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án phát mại các tài sản thế chấp nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do Công ty không hợp tác và không cung cấp được hiện nay các xe ô tô đang ở đâu, do ai quản lý, sử dụng nên Ngân hàng đề nghị khi nào tìm thấy các tài sản này thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại để thu hồi nợ. Trường hợp các tài sản bảo đảm trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty tại Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đỗ V S có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty tại các Hợp đồng tín dụng số 180116-1888088-SME ngày 26/01/2016, số 040316-1888088-01-SME ngày 21/03/2016. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo trên của Ngân hàng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

[9] Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Về án phí:

[10] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

[11] Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày*

*xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".* Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy cần áp dụng Án lệ 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 122, Điều 124, Điều 323, khoản 7 Điều 351, Điều 355, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 19 Điều 1; Điều 56 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký số 140215-1888088-01-SME ngày 22/05/2015; số 230315-1888088-01-SME ngày 24/03/2015; số 250515-1888088-01-SME ngày 27/05/2015; số 050915-1888088-01-SME ngày 09/09/2015; số 180116-1888088-SME ngày 26/01/2016; số 040316-1888088-01-SME ngày

21/03/2016, với tổng số tiền là 4.467.094.591 (bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi một) đồng; trong đó:

Nợ gốc: 3.147.797.202 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 74.436.818 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.244.860.571 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V , thì khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V phát hiện thấy sáu (06) tài sản thế chấp sau đây, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ. Các tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 4.467. 094.591 đồng (bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi một) đồng; trong đó: Nợ gốc 3.147.797.202 đồng; nợ lãi trong hạn 74.436.818 đồng; nợ lãi quá hạn 1.244.860.571 đồng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V . Các tài sản bảo đảm (06) gồm:

Tài sản 1: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại PX125064, BKS 15C-128.75, số khung LDR59LAM7204, số máy: 2901S0013194 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011292 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/03/2015 mang tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T;

Tài sản 2: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu DALI, BKS 15R-062.44, số khung 3GE6F0TJV139 theo Giấy đăng ký xe Somi rơ moóc số 003249 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/03/2015 mang tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T;

Tài sản 3: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại PX125064, BKS 15C-147.99, số khung LDRXBSAX7696, số máy: 2903S0047010 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 014595 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/05/2015 mang tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T;

Tài sản 4: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS 15R-075.27, số khung NS70F09YN032 theo Giấy đăng ký xe Somi rơ moóc số 004609 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/05/2015 mang tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T;

Tài sản 5: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại PX125064, BKS 15C-166.33, số khung LDR9BSAV5737, số máy: 2901S0028929 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019364 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/09/2015 mang tên Công ty TNHH Thương mại Vận tải T T;

Tài sản 6: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.98, số khung C133389FW5007 theo Giấy đăng ký xe Somi rơ moóc số 006623 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/09/2015 mang tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T.

(Theo các Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 230315-1888088-01-SME/TC ngày 23/03/2015; số 250515-1888088-01-SME/TC ngày 27/05/2015; số 050915-1888088-01-SME/TC ngày 07/9/2015).

1.3. Trường hợp sau khi xử lý xong hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T để thu hồi nợ.

1.4. Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đỗ V S có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T tại các Hợp đồng tín dụng số 180116-1888088-SME ngày 26/01/2016 theo Hợp đồng bảo lãnh số 180116-1888088-SME/HĐBL ngày 26/01/2016 và Hợp đồng tín dụng số 040316-1888088-01-SME ngày 21/03/2016 theo Hợp đồng bảo lãnh số 040316-1888088-01-SME/HĐBL ngày 21/03/2016.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi là 266.926.947 (hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi bảy) đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V về việc không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với năm (05) tài sản bảo đảm đều có Giấy chứng nhận đứng tên Công ty Trách nhiệm hữu

hạn Thương mại Vận tải T T, gồm: 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu WUYI, BKS 15R-106.63; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS 15C-192.83; 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu CIMIC, BKS 15R-091.56; 01 xe Somi rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS 15R-060.98; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS 15C-124.42 (theo các Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 040316-1888088-01-SME/TC ngày 07/3/2016; số 050915-1888088-01-SME/TC ngày 07/9/2015; số 140215-1888088-01-SME/TC ngày 24/02/2015).

#### 4. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 112.467.098 (một trăm mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm chín tám ) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.102.803 (năm mươi sáu triệu, một trăm linh hai nghìn, tám trăm linh ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005758 ngày 15/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

#### 5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải T T, ông Đỗ V S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA dân sự quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hải Yến**

